

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

Số: 04 /2019/QĐST- DS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đoan Hùng, ngày 29 tháng 01 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 08/2018/TLST- DS ngày 24 tháng 12 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Chu Văn Th - Sinh năm 1922;

Trú tại: Thôn 7, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Ông Chu Văn H - Sinh năm 1955;

Trú tại: Thôn 7, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Ông Chu Đức Th – Sinh năm 1957;

Ông Chu Văn S – Sinh năm 1967;

Đều trú tại: Thôn 8, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Chu Văn H – Sinh năm 1952

Trú tại: Thôn 7, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

+ Ông Chu Văn Đ – Sinh năm 1964

Trú tại: Thôn 8, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

+ Bà Chu Thị V - Sinh năm 1967

Trú tại: Thôn 2, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

+ Bà Chu Thị C – Sinh năm 1961

Trú tại: Thôn 4, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

+ Bà Chu Thị D – Sinh năm 1975

Trú tại: Thôn 7, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất nội dung vụ án và thỏa thuận như sau: Diện tích đất 1376 m² (100 m² đất ở, 1276 m² đất cây lâu năm) tại thửa số 49, tờ bản đồ số 2b, đ/c: Thôn 8, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, đã được cấp giấy CNQSD đất ngày 17/11/1999 đứng tên hộ ông Chu Văn Th là tài sản chung của ông Chu Văn Th và bà Nguyễn Thị N.

Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất thỏa thuận phân chia diện tích đất 1376 m² như sau: Ông Chu Văn H là người trực tiếp sở hữu và sử dụng diện tích đất 985 m² (50 m² đất ở, 935 m² đất cây lâu năm), trị giá 60.000.000đ có mốc giới theo sơ đồ như sau:

- Phía Bắc có chiều rộng từ điểm 3 - 4 = 30,72 m; từ điểm 4 - 5 = 4,33 m.
- Phía Đông tiếp giáp phần đất cắt làm đường đi chung từ điểm 5 - 6 = 15,41 m; từ điểm 6 - 7 = 24,13 m.
- Phía Nam tiếp giáp phần đất cắt cho ông Chu Đức Th có điểm 7 - 2 = 35,25 m.
- Phía Tây tiếp giáp nhà ông Đỗ Trọng L từ điểm 2 - 3 = 21, 39 m.

Ông Chu Văn H được toàn quyền sở hữu tài sản trên đất bao gồm công trình xây dựng và cây cối, hoa màu.

Ông Chu Đức Th được trực tiếp sở hữu và sử dụng diện tích đất 230 m² (50 m² đất ở, 180 m² đất cây lâu năm) có mốc giới theo sơ đồ như sau:

- Phía Tây từ điểm 1 - 2 = 6,5 m tiếp giáp đất ông Đỗ Trọng L.
- Phía Bắc từ điểm 2 - 7 = 35,25 m tiếp giáp phần đất ông Chu Văn H.
- Phía Đông từ điểm 7 - 8 = 6,5 m tiếp giáp phần đất cắt làm đường đi chung.
- Phía Nam từ điểm 8 - 1 = 35, 25 m tiếp giáp đất ông Chu Văn S.

Ông Chu Đức Th được sở hữu toàn bộ tài sản là cây cối, hoa màu trên đất.

Tài sản ông Th được trực tiếp sở hữu và sử dụng có giá trị là 20.000.000đ.

Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất cắt diện tích đất 161 m² làm đường đi chung vào thửa đất đứng tên ông Chu Văn H và ông Chu Đức Th có mốc giới theo sơ đồ như sau:

- Phía Tây từ điểm 8 - 7 = 6,5m, điểm 7 - 6 = 24,13 m, điểm 6 - 5 = 15,41 m tiếp giáp phần đất cắt cho ông Chu Văn H và ông Chu Đức Th.
 - Phía Bắc từ điểm 5 - 11 = 3,5 m tiếp giáp đường đi.
 - Phía Đông từ điểm 11 - 10 = 15,41 m , từ điểm 10 - 9 = 30, 63 m tiếp giáp nhà ông Chu Văn S.
 - Phía Nam từ điểm 9 - 8 = 3,5 m tiếp giáp đất ông Chu Văn S.
- (Có sơ đồ kèm theo)

3. Về án phí: Ông Chu Văn H và ông Chu Đức Th không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Anh Tuấn